

Số: 4504/CAT-PC07

Ninh Thuận, ngày 13 tháng 8 năm 2021

V/v đề nghị đăng tải lấy ý kiến dự thảo
Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định
việc xử lý các cơ sở không đảm bảo yêu
cầu về phòng cháy và chữa cháy được
đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng
cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10

có hiệu lực

SỞ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG	
Số: 7196	
ĐẾN Ngày: 16/8/21	
Chuyển:	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: - Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Ninh Thuận;
- Trung tâm Công thông tin điện tử tỉnh Ninh Thuận.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận tại Công văn 3099/UBND- TCDNC ngày 25/6/2021 về việc giao Công an tỉnh chủ trì giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Dự thảo Nghị quyết về xử lý các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực để trình Hội đồng Nhân dân tỉnh ban hành.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Dự thảo Nghị quyết về xử lý các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn Ninh Thuận được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực phải được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

Công an tỉnh đã dự thảo xong, trân trọng đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Ninh Thuận và Trung tâm Công thông tin điện tử tỉnh Ninh Thuận đăng tải Dự thảo Nghị quyết (Dự thảo Nghị quyết, tờ trình, bản thuyết minh Dự thảo Nghị quyết) trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh kể từ ngày 16/8/2021.

Trân trọng./.

(Kèm theo Công văn 3099/UBND- TCDNC ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh, tờ trình, bản thuyết minh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh).

Nơi nhận: *vt*
- Như trên;
- Đ/c Giám đốc;
- Lưu: VT, PC07.


KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Đào Anh Thơ
Đại tá Đào Anh Thơ



Số: /Ttr-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định việc xử lý các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận được đưa vào sử dụng trước ngày 04 tháng 10 năm 2001

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Kế hoạch số 1726/KH-UBND ngày 09/4/2021 của UBND tỉnh về chuẩn bị nội dung các Nghị quyết trình tại kỳ họp HĐND tỉnh năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 22 tháng 11 năm 2013 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2014, trong đó có quy định như sau:

“Điều 63a. Xử lý các cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy được đưa vào sử dụng trước khi Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực.

Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định việc xử lý các cơ sở trên địa bàn không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực. Đối với kho chứa và công trình chế biến sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hóa chất nguy hiểm về cháy, nổ ở khu dân cư, nơi đông người phải có phương án di chuyển, bảo đảm khoảng cách an toàn.”

- Ngày 08 tháng 4 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 493/QĐ-TTg về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy, trong đó có nội dung: “Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu các giải pháp, phương án di chuyển hoặc cải tạo, nâng cấp các cơ sở không đảm bảo yêu cầu an toàn PCCC và điều kiện thoát nạn được đưa vào sử dụng trước khi Luật Phòng

cháy và chữa cháy có hiệu lực (đặc biệt là chợ, nhà cao tầng, công trình công cộng tập trung đông người, cơ sở sản xuất, chế biến hóa chất, hàng hóa dễ cháy, nổ) để tăng cường điều kiện thoát nạn và bảo đảm an toàn PCCC, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định”.

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có nhiều cơ sở được đưa vào hoạt động trước 04 tháng 10 năm 2001 không đảm bảo yêu cầu quy định về PCCC như: Không đủ điều kiện về giao thông phục vụ chữa cháy, khoảng cách PCCC, giải pháp ngăn cháy, lối thoát nạn, hệ thống phòng cháy chữa cháy so với Tiêu chuẩn, Quy chuẩn hiện nay (QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng; QCVN 06:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình; TCVN 3890:2009 Phương tiện PCCC cho nhà và công trình – Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng...). Do đó việc hướng dẫn để cơ sở cải tạo, khắc phục theo đúng các quy định của Tiêu chuẩn, Quy chuẩn về PCCC hiện hành là rất khó thực hiện và nhiều cơ sở không thể thực hiện được. Mặt khác, các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về PCCC được đưa vào hoạt động trước 04 tháng 10 năm 2001 tiềm ẩn nhiều nguy cơ cháy, nổ do công nghệ sản xuất xuất cũ, lạc hậu, hệ thống kỹ thuật, công trình, nhà xưởng ... xuống cấp và việc tổ chức cứu chữa, ngăn chặn cháy lan, thoát nạn vô cùng khó khăn, khi xảy ra cháy, nổ sẽ gây thiệt hại lớn về người và tài sản.

Căn cứ vào các văn bản nêu trên và tình hình thực tế công tác PCCC trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận thì Hội đồng nhân dân tỉnh cần ban hành Nghị quyết quy định việc xử lý các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về PCCC trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực là rất cần thiết và đúng quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

2. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Khoản 33 Điều 1 Luật số 40/2013/QH13 ngày 22 tháng 11 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Nghị quyết số 99/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về phòng cháy và chữa cháy;
- Thực hiện Quyết định số /630/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về phòng cháy và chữa cháy;

- Thực hiện Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Thực hiện Thông tư 02/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình, mã số QCVN 06:2021/BXD.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO CỦA VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan quản lý nhà nước về PCCC thống nhất quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, xử lý, khắc phục những sơ hở, thiếu sót, bất cập trong công tác PCCC đối với các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy được đưa vào sử dụng trước ngày 04 tháng 10 năm 2001, nhất là sơ hở, thiếu sót có thể dẫn đến cháy lan, cháy lớn gây thiệt hại nghiêm trọng nhằm chủ động phòng ngừa, giảm thiểu nguy cơ cháy, nổ, thiệt hại về người, tài sản do cháy, nổ gây ra, góp phần đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với công tác đảm bảo an toàn PCCC trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh tại cơ sở. Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh lâu dài, hạn chế việc gián đoạn kinh doanh, sản xuất của cơ sở.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

Cụ thể hóa việc tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Điều 63a của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy; phù hợp với tình hình thực tế công tác PCCC trên địa bàn tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Ngày 09/4/2021, UBND tỉnh có Kế hoạch số 1726/KH-UBND về chuẩn bị nội dung các Nghị quyết trình tại kỳ họp HĐND tỉnh năm 2021 và có Công văn số 3099/UBND-TCĐNC chỉ đạo Công an tỉnh chủ trì cùng các ban, ngành, địa phương xây dựng dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, dự thảo bản thuyết minh, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; đăng tải nội dung trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, gửi văn bản xin ý kiến các Sở, ban, ngành, địa phương có liên quan và lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị quyết.

Sau khi tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cơ sở kinh doanh có liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định việc xử lý các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận được đưa vào sử dụng trước 04 tháng 10 năm 2001, gồm:

a) Các cơ sở không đáp ứng ít nhất một trong các yêu cầu quy định tại Điều 20 Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020.

b) Các kho chứa và công trình chế biến sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hóa chất nguy hiểm về cháy, nổ ở khu dân cư, nơi đông người trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận nhưng không đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC tới các công trình xung quanh theo quy định của pháp luật và tiêu chuẩn, quy chuẩn về phòng cháy và chữa cháy hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a. Cơ quan, tổ chức Việt Nam; cơ quan, tổ chức nước ngoài trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có cơ sở thuộc Danh mục cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC và Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định của Chính phủ được đưa vào sử dụng trước ngày 04 tháng 10 năm 2001 nhưng không đảm bảo yêu cầu về PCCC theo quy định.

b. Cơ quan, tổ chức Việt Nam; cơ quan, tổ chức nước ngoài trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có cơ sở kinh doanh xăng dầu; các kho dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ kho khí đốt, hóa chất nguy hiểm về cháy, nổ ở khu dân cư, nơi đông người thuộc Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định của Chính phủ nhưng không đảm bảo khoảng cách an toàn về PCCC theo quy định.

c. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động PCCC trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

3. Nguyên tắc áp dụng

a. Đảm bảo tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong công tác PCCC.

b. Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh lâu dài, hạn chế việc gián đoạn sản xuất, kinh doanh của cơ sở. Đảm bảo thực hiện quản lý nhà nước về PCCC hiệu quả, phù hợp với quy hoạch và phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

c. Việc áp dụng các biện pháp, giải pháp để nâng cao điều kiện an toàn PCCC công trình được ưu tiên thực hiện trước; sau đó mới yêu cầu chuyển đổi công năng, tự nguyện di chuyển, bắt buộc phải di chuyển do không đảm bảo an toàn về PCCC.

d. Các giải pháp được áp dụng để cải tạo, bổ sung thêm các điều kiện an toàn PCCC đối với cơ sở phải phù hợp thực tế của cơ sở, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, quy chuẩn, tiêu chuẩn về PCCC và được cơ quan PCCC hướng dẫn, kiểm tra, xác nhận đủ điều kiện về PCCC theo quy định.

4. Phương án xử lý

Căn cứ vào tình hình thực tế trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất phương án xử lý như sau:

4.1. Đối với các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về PCCC trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đưa vào sử dụng trước ngày 04 tháng 10 năm 2001:

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện các biện pháp khắc phục đối với từng nội dung không đảm bảo an toàn PCCC, cụ thể:

a) Về bố trí mặt bằng, công năng sử dụng:

Thực hiện bố trí, sắp xếp lại công năng của các tầng, các khu vực trong cơ sở theo quy định tại các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành đối với từng loại hình cơ sở.

b) Về giao thông phục vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ: Phải đảm bảo ít nhất 01 lối vào cho xe chữa cháy tiếp cận công trình. Lối vào cho xe chữa cháy phải đảm bảo yêu cầu tối thiểu về chiều rộng, chiều cao thông thủy, tải trọng của đường giao thông, bãi quay xe theo quy định tại Điều 6.2, 6.4, 6.5 QCVN 06:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình được ban hành tại Thông tư số 02/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng (sau đây viết tắt là QCVN 06:2021/BXD).

c) Về khoảng cách an toàn về PCCC:

c.1) Phải đảm bảo yêu cầu về khoảng cách PCCC theo quy định tại Phụ lục E QCVN 06:2021/BXD. Trong đó, khoảng cách đối với nhà ở, công trình công cộng và nhà phụ trợ của các cơ sở công nghiệp quy định tại Mục E.1 (Bảng E1); khoảng cách đối với nhà và công trình công nghiệp quy định tại Mục E.2 (Bảng E2); trường hợp khoảng cách từ ngôi nhà đến ngôi nhà và công trình xung quanh được lấy nhỏ hơn quy định nêu trong Mục E.1 (Bảng E1), Mục E.2 (Bảng E2) phải đảm bảo khoảng cách đến đường ranh giới khu đất theo quy định tại Mục E.3 (Bảng E3) QCVN 06:2021/BXD.

c.2) Trong trường hợp khoảng cách an toàn PCCC các nhà, công trình hiện hữu không thể đảm bảo quy định, cho phép áp dụng một trong các giải pháp sau để giữ nguyên vị trí nhà, công trình:

- Cải tạo tường của ngôi nhà, công trình cao hơn phía tiếp giáp với nhà, công trình khác thành tường ngăn cháy.

- Xây tường ngăn cháy trong khoảng trống tiếp giáp của 02 nhà, công trình. Tường ngăn cháy phải đảm bảo theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn.

- Tạo vùng ngăn cháy trong nhà, công trình phía tiếp giáp với tường ngoài (có thể tạo vùng ngăn cháy trong 01 hoặc cả 2 nhà), đảm bảo tổng chiều rộng của vùng ngăn cháy không nhỏ hơn khoảng cách PCCC theo quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn giữa 2 nhà, công trình.

- Làm màn nước ngăn cháy thay thế tường ngăn cháy phía tiếp giáp giữa 02 công trình. Màn nước ngăn cháy bố trí thành 02 dải cách nhau 0,5m và cường độ phun không nhỏ hơn 1 lít/giây cho mỗi mét chiều dài màn nước (tính chung cho cả 02 dải). Khoảng thời gian duy trì màn nước ít nhất là 01 giờ.

d) Về bậc chịu lửa:

d.1) Nhà và công trình phải đảm bảo bậc chịu lửa quy định tại Bảng 4 QCVN 06:2021/BXD phù hợp với số tầng giới hạn (chiều cao cho phép) và diện tích khoang cháy quy định tại Phụ lục H QCVN 06:2021/BXD.

d.2) Trong trường hợp bậc chịu lửa của nhà, công trình không đảm bảo theo quy định, cho phép thực hiện các giải pháp sau:

- Lắp đặt các trần treo, tường ngăn sử dụng vật liệu ngăn cháy phù hợp để nâng cao giới hạn chịu lửa của các cấu kiện bảo đảm quy định.

- Đối với các kết cấu của nhà, công trình như: Cột, dầm, sàn, hệ kết cấu đỡ, mái, tường...có giới hạn chịu lửa thấp hơn quy định, tùy thuộc vào đặc điểm của từng loại kết cấu có thể sử dụng giải pháp bảo vệ các kết cấu như: sơn chống cháy, bọc bằng gạch, trát bằng thạch cao hoặc xi măng – vôi, bê tông xi bốt hoặc bê tông đá bốt phun lên cấu kiện, để tăng giới hạn chịu lửa của nhà, công trình theo quy định.

e) Về lối ra thoát nạn:

e.1) Theo từng loại hình cơ sở phải đảm bảo yêu cầu lối ra thoát nạn, lối ra khẩn cấp, đường thoát nạn, cầu thang bộ và buồng thang bộ trên đường thoát nạn theo quy định tại các Mục 3.2,3.3,3.4 QCVN 06:2021/BXD.

e.2) Đối với các cơ sở theo quy định phải có 02 cầu thang thoát nạn trở lên nhưng thực tế chỉ có 01 cầu thang thoát nạn, phải có giải pháp bổ trí bổ sung 01 cầu thang bộ theo quy định. Trong trường hợp không thể bổ sung cầu thang bộ được thì phải tăng cường an toàn cho người trong quá trình thoát nạn bằng các giải pháp sau: Hệ thống cấp nước chữa cháy cho công trình phải thường xuyên có nước được duy trì ở áp suất đảm bảo yêu cầu chữa cháy, bố trí người trực thường xuyên tại các tầng, kết nối hệ thống báo cháy tự động của cơ sở với Trung tâm thông tin chỉ huy của lực lượng PCCC chuyên nghiệp, thang thoát nạn hiện có phải là thang kín có áp suất không khí dương, trang bị thêm các thiết bị phục vụ thoát nạn như: thang dây, thang móc, ròng rọc, ống tụt. Nếu các công trình liên kế có cùng độ cao thì có thể bổ sung lối đi sang các công trình liên kế.

f) Về ngăn cháy lan:

f.1) Theo từng loại hình cơ sở phải đảm bảo các yêu cầu về ngăn chặn cháy lan quy định tại Mục 4 QCVN 06:2020/BXD.

f.2) Khi cơ sở không đảm bảo quy định về khoang cháy, cho phép áp dụng một trong các giải pháp sau:

- Xây tường ngăn cháy phân chia mặt bằng thành các khoang cháy có diện tích đảm bảo quy định.

- Sử dụng màn nước ngăn cháy thay thế tường ngăn cháy. Màn nước ngăn cháy bố trí thành 02 dải cách nhau 0,5m và cường độ phun không nhỏ hơn 01 lít/giây cho mỗi mét chiều dài màn nước (tính chung cho cả 02 dải). Khoảng thời gian duy trì màn nước ít nhất là 01 giờ.

- Tạo vùng ngăn cháy với chiều rộng không nhỏ hơn 12m. Vùng ngăn cháy là khoảng đệm chia ngôi nhà theo suốt chiều rộng (chiều dài) và chiều cao. Các phòng trong vùng ngăn cháy không được sử dụng hay bảo quản các chất khí, chất lỏng và vật liệu dễ cháy cũng như các quá trình tạo ra bụi dễ cháy. Giới hạn chịu lửa của các cấu kiện và bộ phận của ngôi nhà trong vùng ngăn cháy phải đảm bảo:

+ 45 phút đối với tường ngăn giữa vùng ngăn cháy và các khu vực khác.

+ 15 phút đối với vách ngăn.

+ 150 phút đối với cột.

+ 45 phút đối với sàn, mái và tường ngoài.

Trong các ngôi nhà một tầng có bậc chịu lửa III, IV, V không sử dụng, bảo quản các chất khí, chất lỏng dễ cháy cũng như không có các quá trình tạo ra bụi dễ cháy cho phép vùng ngăn cháy có chiều rộng không nhỏ hơn 06m.

g) Về trang bị phương tiện PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan về PCCC:

g.1) Yêu cầu và định mức trang bị phương tiện về PCCC, hệ thống kỹ thuật có liên quan về PCCC thực hiện theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3890:2009 - Phương tiện PCCC cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng và quy chuẩn, tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

g.2) Đối với các cơ sở trang bị bình chữa cháy chưa đúng chủng loại theo quy định tại TCVN 3890-2009 cho phép tiếp tục sử dụng nhưng khi trang bị mới và thay thế phải theo đúng chủng loại được quy định tại TCVN 3890-2009.

g.3) Đối với cơ sở thuộc diện phải trang bị hệ thống chữa cháy tự động theo quy định tại Phụ lục C TCVN 3890:2009, các cơ sở phải trang bị theo đúng quy định để đảm bảo an toàn PCCC.

h) Đối với các cơ sở không có khả năng thực hiện điều kiện an toàn PCCC phải thay đổi tính chất sử dụng công trình đảm bảo quy định về PCCC.

i) Sau ngày / /202..., các cơ sở không thực hiện đầy đủ các yêu cầu đảm bảo an toàn PCCC, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành.

4.2. Đối với các kho chứa và công trình chế biến sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hóa chất nguy hiểm về cháy, nổ ở khu dân cư, nơi đông người không đảm bảo khoảng cách an toàn về PCCC.

a) Người đứng đầu cơ sở xây dựng kế hoạch, phương án di chuyển đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn quy định về PCCC và được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện việc di chuyển theo kế hoạch đã được phê duyệt. UBND tỉnh có chính sách hỗ trợ các cơ sở có kho chứa và công trình chế biến sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hóa chất nguy hiểm về cháy, nổ trong việc di chuyển ra khỏi khu dân cư, nơi đông người không đảm bảo khoảng cách an toàn về PCCC phù hợp với sự quy hoạch, phát triển của tỉnh.

b) Trong thời gian chờ di chuyển, chủ cơ sở phải giảm trữ lượng, khối lượng tồn chứa sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hóa chất nguy hiểm theo hướng dẫn của phòng cháy, chữa cháy có thẩm quyền; trang bị bổ sung phương tiện, hệ thống PCCC và hệ thống kỹ thuật liên quan về PCCC theo Tiêu chuẩn Việt Nam 3890:2009 Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng.

c) Sau ngày / /202..., các cơ sở có kho chứa và công trình chế biến sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hóa chất nguy hiểm về cháy, nổ không đảm bảo khoảng cách an toàn về PCCC tới khu dân cư, nơi đông người chưa thực hiện di chuyển cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Tổ chức và giám sát thực hiện

5.1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

5.2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban, các Tổ đại biểu, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Trên đây là Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết; kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Ban pháp chế HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công an tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Số: /2021/NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định việc xử lý các cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy
và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đưa vào sử dụng trước ngày
04 tháng 10 năm 2001**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA ..., KỲ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa
cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy
và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa
cháy;*

*Căn cứ Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật
Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng
cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm
2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật
Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng
cháy và chữa cháy;*

*Căn cứ Nghị quyết số 99/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của
Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính
sách pháp luật về phòng cháy và chữa cháy;*

*Thực hiện Quyết định số 630/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Thủ
tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về
tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật
về phòng cháy và chữa cháy;*

Thực hiện Thông tư số 02/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định việc xử lý các cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 có hiệu lực thi hành; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định việc xử lý các cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy (sau đây viết tắt là PCCC) trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đưa vào sử dụng trước ngày 04 tháng 10 năm 2001 (ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 có hiệu lực), gồm:

1. Các cơ sở không đáp ứng một trong các yêu cầu quy định tại Điều 20 Luật phòng cháy và chữa cháy và Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

2. Các kho chứa và công trình chế biến sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hóa chất nguy hiểm về cháy, nổ ở khu dân cư, nơi đông người nhưng không bảo đảm khoảng cách an toàn về PCCC tới các công trình xung quanh hoặc chỉ giới đường đỏ theo quy định của pháp luật và tiêu chuẩn, quy chuẩn về PCCC hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức Việt Nam; cơ quan, tổ chức nước ngoài trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có cơ sở thuộc Danh mục cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC và Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định của Chính phủ được đưa vào sử dụng trước ngày 04 tháng 10 năm 2001 nhưng không đảm bảo yêu cầu về PCCC theo quy định.

2. Cơ quan, tổ chức Việt Nam; cơ quan, tổ chức nước ngoài trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có các kho chứa và công trình chế biến sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hóa chất nguy hiểm về cháy, nổ ở khu dân cư, nơi đông người thuộc Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định của Chính phủ nhưng không đảm bảo khoảng cách an toàn về PCCC theo quy định.

3. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến hoạt động PCCC trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Tuân thủ việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định về PCCC tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, các giải pháp cải tạo, bổ sung phải bảo đảm an toàn về PCCC và phù hợp với thực tế cơ sở.

2. Không làm gián đoạn kinh doanh, sản xuất của các tổ chức, cá nhân, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh ổn định lâu dài, bảo đảm thực hiện quản lý nhà nước về PCCC theo hướng phát triển phù hợp với quy hoạch của địa phương.

3. Phương án di chuyển các kho chứa và công trình chế biến sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hóa chất nguy hiểm về cháy, nổ ở khu dân cư, nơi tập trung đông người phải phù hợp quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, phù hợp với quy hoạch xây dựng, phát triển của tỉnh.

Điều 4. Quy định việc xử lý đối với cơ sở không bảo đảm yêu cầu về PCCC trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đưa vào sử dụng trước ngày 04 tháng 10 năm 2001

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có cơ sở không bảo đảm yêu cầu về PCCC trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đưa vào sử dụng trước ngày 04 tháng 10 năm 2001 phải thực hiện các biện pháp khắc phục đối với từng nội dung không bảo đảm an toàn PCCC, cụ thể:

1. Về bố trí mặt bằng, công năng sử dụng

Thực hiện bố trí, sắp xếp lại công năng của các tầng, các khu vực trong cơ sở phải bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy, chống cháy lan và thoát nạn theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành đối với từng loại hình cơ sở.

2. Về giao thông phục vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Nhà, công trình phải đảm bảo đường cho xe chữa cháy tiếp cận công trình. Đường cho xe chữa cháy phải đảm bảo yêu cầu tối thiểu về chiều rộng, chiều dài, chiều cao thông thủy, tải trọng của đường giao thông, bãi quay xe, bãi đỗ xe theo quy định tại QCVN 06:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình được ban hành kèm theo Thông tư số 02/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (sau đây viết gọn là QCVN 06: 2021/BXD).

3. Về khoảng cách phòng cháy, chống cháy

a) Nhà, công trình phải bảo đảm yêu cầu về khoảng cách phòng cháy, chống cháy theo quy định tại QCVN 01: 2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Phụ lục E QCVN 06: 2021/BXD. Riêng khoảng cách giữa các kho chứa và công trình chế biến sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hóa chất nguy hiểm về cháy, nổ đến khu dân cư và các công trình khác còn phải tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên

ngành.

b) Trường hợp khoảng cách PCCC từ một ngôi nhà đến các ngôi nhà và công trình xung quanh được lấy nhỏ hơn các quy định tại mục E.1 (Bảng E.1), mục E.2 (Bảng E.2) và Phụ lục E QCVN 06: 2021/BXD sau khi được sự chấp thuận của cơ quan PCCC có thẩm quyền.

c) Trong trường hợp khoảng cách an toàn PCCC các nhà, công trình hiện hữu không thể bảo đảm quy định tại điểm a khoản này, cho phép áp dụng một trong các giải pháp sau để giữ nguyên vị trí nhà, công trình:

- Xây tường ngăn cháy trong khoảng trống tiếp giáp của 02 nhà, công trình. Tường ngăn cháy phải đảm bảo theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành;

- Sử dụng thiết bị tạo màn nước drencher ngăn cháy thay thế tường ngăn cháy phía tiếp giáp giữa 02 công trình. Màn nước ngăn cháy bố trí thành 02 dải cách nhau 0,5 mét và cường độ phun không nhỏ hơn 01 lít/giây cho mỗi mét chiều dài màn nước (tính chung cho cả 02 dải). Khoảng thời gian duy trì màn nước ít nhất là 01 giờ;

- Cải tạo tường của ngôi nhà, công trình cao hơn phía tiếp giáp nhà, công trình khác thành tường ngăn cháy.

4. Về bậc chịu lửa

a) Nhà và công trình phải bảo đảm bậc chịu lửa quy định tại Bảng 4 QCVN 06: 2021/BXD phù hợp với số tầng giới hạn (chiều cao PCCC cho phép) và diện tích khoang cháy của nhà quy định tại Phụ lục H QCVN 06: 2021/BXD.

b) Trong trường hợp bậc chịu lửa của nhà, công trình không bảo đảm theo quy định tại điểm a khoản này, cho phép thực hiện áp dụng một trong các giải pháp sau:

- Lắp đặt các trần, tường ngăn sử dụng vật liệu ngăn cháy phù hợp để nâng cao giới hạn chịu lửa của các cấu kiện bảo đảm quy định;

- Đối với các kết cấu của nhà, công trình như: cột, dầm, sàn, hệ kết cấu đỡ, mái, tường... có giới hạn chịu lửa thấp hơn quy định, tùy thuộc vào đặc điểm của từng loại kết cấu có thể sử dụng giải pháp bảo vệ các kết cấu như: sơn chống cháy, bọc bằng gạch, trát bằng thạch cao hoặc xi măng - vôi, bê tông hoặc bê tông đá bọt phun lên cấu kiện, để tăng giới hạn chịu lửa của nhà, công trình theo quy định.

5. Về lối ra thoát nạn, lối ra khẩn cấp, đường thoát nạn, cầu thang bộ và buồng thang bộ trên đường thoát nạn

a) Theo từng loại hình, cơ sở phải bảo đảm yêu cầu lối ra thoát nạn, lối ra khẩn cấp, đường thoát nạn, cầu thang bộ và buồng thang bộ trên đường thoát nạn theo quy định tại khoản 3.2, 3.3, 3.4 Mục 3 QCVN 06: 2021/BXD;

b) Đối với các cơ sở theo quy định phải có 02 lối ra thoát nạn trở lên

nhưng thực tế chỉ có 01 lối ra thoát nạn thì phải có giải pháp bố trí bổ sung thêm lối ra thoát nạn đủ số lượng theo quy định;

c) Trong trường hợp các lối ra thoát nạn, cầu thang, buồng thang bộ hiện hữu không bảo đảm các điều kiện, yêu cầu thoát nạn thì phải có giải pháp cải tạo, sửa chữa hoặc làm bổ sung để bảo đảm yêu cầu theo quy định. Trong trường hợp không thể thực hiện giải pháp bố trí bổ sung thêm thì phải tăng cường an toàn cho người trong quá trình thoát nạn bằng cách áp dụng một trong các giải pháp sau:

- Toàn bộ công trình phải được lắp đặt hệ thống báo cháy tự động và được bảo vệ bằng hệ thống chữa cháy tự động sprinkler;

- Cầu thang bộ thoát nạn hiện có phải được đặt trong buồng thang kín có áp suất không khí dương khi cháy hoặc lối vào buồng thang từ mỗi tầng phải đi qua một khoảng đệm không nhiễm khói hoặc khoang đệm có áp suất không khí dương (áp suất không khí dương có thể duy trì thường xuyên hoặc khi có cháy);

- Mở thêm các lối ra khẩn cấp như: lối ra ban công, lô gia mà ở đó có trang bị thang bên ngoài nối các ban công, lô gia theo từng tầng hoặc từ đó có lối sang nhà bên cạnh; lối ra ngoài trực tiếp từ các phòng, hành lang của tầng 2 qua cửa sổ, cửa đi mà tại đó có bố trí thang leo; lối ra mái của nhà bên cạnh có bậc chịu lửa I, II, III thuộc cấp S0 và S1 qua cửa sổ, cửa đi hoặc cửa nắp mà tại đó có bố trí thang leo; lối ra từ mái sang nhà liền kề có cùng độ cao.

Ngoài việc áp dụng một trong ba giải pháp trên, còn phải áp dụng đồng thời các giải pháp sau:

- Bố trí người trực thường xuyên tại cơ sở;

- Trang bị thiết bị phục vụ thoát nạn như: Bộ dụng cụ phá dỡ thông thường (bao gồm: búa, kìm cộng lực, cưa tay, xà beng), thang dây, thang móc, dây thả chậm, ống tụt... tại mỗi tầng (trừ tầng 1).

6. Về ngăn chặn cháy lan

a) Theo từng loại hình, cơ sở phải bảo đảm các yêu cầu về ngăn chặn cháy lan quy định tại Mục 4 QCVN 06: 2021/BXD.

b) Khi cơ sở không đảm bảo quy định về khoang cháy, cho phép áp dụng một trong các giải pháp sau:

- Xây tường ngăn cháy phân chia mặt bằng thành các khoang cháy có diện tích đảm bảo quy định.

- Sử dụng màn nước ngăn cháy thay thế tường ngăn cháy. Màn nước ngăn cháy bố trí thành 02 dải cách nhau 0,5m và cường độ phun không nhỏ hơn 01 lít/giây cho mỗi mét chiều dài màn nước (tính chung cho cả 02 dải). Khoảng thời gian duy trì màn nước ít nhất là 01 giờ.

- Tạo vùng ngăn cháy với chiều rộng không nhỏ hơn 12m. Vùng ngăn cháy là khoảng đệm chia ngôi nhà theo suốt chiều rộng (chiều dài) và chiều cao.

Các phòng trong vùng ngăn cháy không được sử dụng hay bảo quản các chất khí, chất lỏng và vật liệu dễ cháy cũng như các quá trình tạo ra bụi dễ cháy. Giới hạn chịu lửa của các cấu kiện và bộ phận của ngôi nhà trong vùng ngăn cháy phải đảm bảo:

- + 45 phút đối với tường ngăn giữa vùng ngăn cháy và các khu vực khác.
- + 15 phút đối với vách ngăn.
- + 150 phút đối với cột.
- + 45 phút đối với sàn, mái và tường ngoài.

Trong các ngôi nhà một tầng có bậc chịu lửa III, IV, V không sử dụng, bảo quản các chất khí, chất lỏng dễ cháy cũng như không có các quá trình tạo ra bụi dễ cháy cho phép vùng ngăn cháy có chiều rộng không nhỏ hơn 06m.

7. Về trang bị hệ thống, thiết bị, phương tiện PCCC

a) Yêu cầu và định mức trang bị phương tiện về PCCC, hệ thống kỹ thuật có liên quan về PCCC thực hiện theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3890:2009 - Phương tiện PCCC cho nhà và công trình - trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng (sau đây gọi tắt là TCVN 3890:2009) và quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về PCCC hiện hành.

b) Đối với các cơ sở trang bị bình chữa cháy nhưng chưa đúng chủng loại theo quy định tại TCVN 3890:2009, cho phép tiếp tục sử dụng nhưng khi nạp lại phải sử dụng chất chữa cháy phù hợp để nạp, khi trang bị mới phải trang bị đúng chủng loại được quy định tại TCVN 3890:2009.

c) Đối với cơ sở thuộc diện phải trang bị hệ thống báo cháy tự động, hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống chữa cháy tự động theo quy định tại TCVN 3890:2009, các cơ sở phải trang bị theo đúng quy định để bảo đảm an toàn PCCC.

8. Đối với các cơ sở không có khả năng thực hiện các biện pháp khắc phục nêu tại các khoản 1,2,3,4,5,6,7 điều này phải thay đổi công năng, tính chất sử dụng công trình bảo đảm theo quy định về an toàn PCCC.

9. Sau ngày / /202.., các cơ sở quy định tại điều này không thực hiện đầy đủ các yêu cầu đảm bảo an toàn PCCC, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Quy định việc xử lý các kho chứa và công trình chế biến sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hóa chất nguy hiểm về cháy, nổ ở khu dân cư, nơi đông người nhưng không bảo đảm khoảng cách an toàn về PCCC

1. Người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, phương án di chuyển bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Thực hiện việc di chuyển theo kế hoạch đã được phê duyệt. Ủy ban nhân dân tỉnh có chính sách hỗ trợ các cơ sở kinh doanh xăng dầu; các kho dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ kho khí đốt, hóa chất nguy hiểm về cháy,

nỗ trong việc di chuyển ra khỏi khu dân cư, nơi đông người không đảm bảo khoảng cách an toàn về PCCC phù hợp với sự quy hoạch, phát triển của tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo tuyên truyền, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong việc thực hiện di chuyển các kho chứa và công trình chế biến sản phẩm dầu mỡ, khí đốt, hóa chất nguy hiểm về cháy, nổ phù hợp với quy hoạch, phát triển của tỉnh.

3. Căn cứ hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền trong thời gian chờ cải tạo, di chuyển, người đứng đầu cơ sở thực hiện việc di chuyển theo kế hoạch đã được phê duyệt tại khoản 1, điều này có trách nhiệm xây dựng lộ trình giảm quy mô, công suất (nếu có sản xuất) và giảm trữ lượng, khối lượng tồn chứa dầu mỡ, sản phẩm dầu mỡ, khí đốt, hóa chất nguy hiểm về cháy, nổ gửi về cơ quan có thẩm quyền xem xét; trang bị bổ sung hệ thống, thiết bị, phương tiện PCCC và hệ thống kỹ thuật liên quan theo TCVN 3890:2009.

4. Sau ngày / /202..., các cơ sở quy định tại điều này chưa thực hiện di chuyển, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết này, trong đó quy định trách nhiệm cụ thể cho từng ngành, từng cấp và từng đối tượng; xác định rõ lộ trình, thời gian thực hiện cụ thể.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

3. Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân thuộc đối tượng điều chỉnh phải thực hiện nghiêm các quy định của Nghị quyết này, trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ phải bị xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa ... Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu – UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Pháp chế và CCHC, Tư pháp- Bộ Công an;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;

CHỦ TỊCH

- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa...;
- Các Sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm CNTT và Truyền thông;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Ninh Thuận;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trang TTĐTHĐND tỉnh;
- VPUB: LĐ; KTTH;
- Lưu: VT.

BẢN THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh)

1. Tên Nghị quyết: Nghị quyết Quy định việc xử lý các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận được đưa vào sử dụng trước ngày 04 tháng 10 năm 2001.

2. Căn cứ ban hành Nghị quyết:

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015.
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013.
- Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.
- Căn cứ Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

3. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

3.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định việc xử lý các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy (dưới đây viết tắt là PCCC) được đưa vào sử dụng trước ngày 04 tháng 10 năm 2001; các kho chứa và công trình chế biến sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hóa chất nguy hiểm về cháy, nổ không đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC tới khu dân cư, nơi đông người trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (*Điều 63a Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013*).

3.2. Đối tượng áp dụng:

a. Cơ quan, tổ chức Việt Nam; cơ quan, tổ chức nước ngoài trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có cơ sở thuộc Danh mục cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC và Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định của Chính phủ được đưa vào sử dụng trước ngày 04 tháng 10 năm 2001 nhưng không đảm bảo yêu cầu về PCCC theo quy định.

b. Cơ quan, tổ chức Việt Nam; cơ quan, tổ chức nước ngoài trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có kho chứa và công trình chế biến sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hóa chất nguy hiểm về cháy, nổ ở khu dân cư, nơi đông người thuộc Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định của Chính phủ nhưng không đảm bảo khoảng cách an toàn về PCCC theo quy định.

c. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động PCCC trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

4. Nội dung chính của Nghị quyết:

- Phải đảm bảo kỷ cương, pháp luật trong công tác quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy.

- Tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, các địa phương, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong công tác phòng cháy và chữa cháy.

- Đề ra các giải pháp tăng cường an toàn phòng cháy và chữa cháy cho cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận được đưa vào sử dụng trước ngày 04 tháng 10 năm 2001, cụ thể như sau:

a) Về bố trí mặt bằng, công năng sử dụng:

Thực hiện bố trí, sắp xếp lại công năng của các tầng, các khu vực trong cơ sở theo quy định tại các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành đối với từng loại hình cơ sở.

b) Về giao thông phục vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:

b1) Theo quy định của Tiêu chuẩn, Quy chuẩn hiện hành thì đường cho xe chữa cháy:

Lối vào cho xe chữa cháy phải đảm bảo yêu cầu tối thiểu về chiều rộng, chiều cao thông thủy, tải trọng của đường giao thông, bãi quay xe theo quy định tại Điều 6.2, 6.4, 6.5 QCVN 06:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình được ban hành tại Thông tư số 02/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng (dưới đây viết tắt là: QCVN 06:2021/BXD). Cụ thể:

- Chiều rộng của mặt đường không được nhỏ hơn 3,50 m cho mỗi làn xe. Chiều cao của khoảng không tính từ mặt đường lên phía trên không được nhỏ hơn 4,25 m.

- Mặt đường phải đảm bảo chịu được tải trọng của xe chữa cháy theo yêu cầu thiết kế và phù hợp với chủng loại phương tiện của cơ quan Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ nơi xây dựng công trình.

- Đường cắt dùng cho một làn xe không được dài quá 150 m, cuối đường phải có bãi quay xe theo các quy định trong Điều 6.4 QCVN 06:2021/BXD. Đối với đường giao thông nhỏ hẹp chỉ đủ cho một làn xe thì cứ ít nhất 100 m phải thiết kế đoạn mở rộng tối thiểu 7m dài 8m để xe chữa cháy và các loại xe khác có thể tránh nhau dễ dàng theo quy định ở Điều 6.5 QCVN 06:2021/BXD.

Thiết kế bãi quay xe phải tuân theo một trong các quy định sau:

+ Hình tam giác đều có cạnh không nhỏ hơn 7 m, một đỉnh nằm ở đường cắt, hai đỉnh nằm cân đối ở hai bên đường.

+ Hình vuông có cạnh không nhỏ hơn 12 m.

+ Hình tròn, đường kính không nhỏ hơn 10 m.

+ Hình chữ nhật vuông góc với đường cụt, cân đối về hai phía của đường, có kích thước không nhỏ hơn 5 m x 20 m.

- Có thể tiếp cận tới các nguồn nước chữa cháy của công trình cũng như tới các điểm thuận lợi cho việc chữa cháy, cứu nạn. Khoảng cách từ nơi đỗ xe chữa cháy tới họng tiếp nước vào nhà không được lớn hơn 18 m.

*** Đường dành cho xe chữa cháy đối với nhà ở, công trình công cộng và nhà phụ trợ của các cơ sở công nghiệp:**

Phải đảm bảo đường cho các xe chữa cháy tiếp cận đến các nhà ở và công trình công cộng, đường và bãi đỗ cho xe thang hoặc xe có cần nâng để có thể tiếp cận đến từng căn hộ hoặc gian phòng trên các tầng cao.

Khoảng cách từ mép đường xe chạy đến tường nhà cho phép từ 5 m đến 8 m đối với các nhà cao đến 10 tầng, và từ 8 m đến 10 m đối với các nhà cao trên 10 tầng. Trong các vùng có khoảng cách này không cho phép bố trí tường ngăn, đường dây tải điện trên không và trồng cây cao thành hàng.

Dọc theo các mặt ngoài nhà nơi không có lối vào, cho phép bố trí các khoảng đất có chiều rộng tối thiểu 6 m và chiều dài tối thiểu 12 m dùng đậu xe chữa cháy có kể tới tải trọng cho phép của chúng trên lớp áo và đất nền.

*** Đường dành cho xe chữa cháy đối với nhà và công trình công nghiệp:**

Theo toàn bộ chiều dài của các nhà và công trình công nghiệp, phải đảm bảo có lối vào cho xe chữa cháy: từ một bên, khi chiều rộng nhà hoặc công trình nhỏ hơn 18 m và từ cả hai bên, khi chiều rộng của nhà hoặc công trình lớn hơn 18 m.

Đối với những ngôi nhà có diện tích xây dựng lớn hơn 10.000 m² hoặc rộng trên 100 m thì phải có lối vào cho xe chữa cháy từ mọi phía.

Khi điều kiện sản xuất không yêu cầu có đường vào thì lối vào cho xe chữa cháy được phép bố trí phần đường rộng 3,5 m cho xe chạy, nền đường được gia cố bằng các vật liệu đảm bảo chịu được tải trọng của xe chữa cháy và đảm bảo thoát nước mặt.

Khoảng cách từ mép lối vào cho xe chữa cháy đến tường của ngôi nhà phải không lớn hơn 5 m đối với các nhà có chiều cao nhỏ hơn 12 m, không lớn hơn 8 m đối với các nhà có chiều cao trên 12 m đến 28 m và không lớn hơn 10 m đối với các nhà có chiều cao trên 28 m.

Trong những trường hợp cần thiết, khoảng cách từ mép đường đến tường ngoài của ngôi nhà và công trình được tăng đến 60 m với điều kiện ngôi nhà và công trình này có các đường cụt vào, kèm theo bãi quay xe chữa cháy và bố trí các trụ nước chữa cháy. Trong trường hợp đó, khoảng cách từ nhà và công trình đến bãi quay xe chữa cháy phải không nhỏ hơn 5 m và không lớn hơn 15 m và khoảng cách giữa các đường cụt không được vượt quá 100 m.

CHÚ THÍCH:

1) Chiều rộng của tòa nhà và công trình lấy theo khoảng cách giữa các trục định vị.

2) Đối với các hồ nước được sử dụng để chữa cháy, cần bố trí lối vào với khoảng sân có kích thước mỗi chiều không nhỏ hơn 12 m.

3) Các trụ nước chữa cháy cần được bố trí dọc đường xe chạy, đảm bảo khoảng cách đến mép đường không lớn hơn 2,5 m và khoảng cách đến tường của tòa nhà không nhỏ hơn 5 m.

*** Đối với nhà và công trình công nghiệp thiếu hoặc không có đường giao thông phục vụ chữa cháy theo quy định:**

- Khi điều kiện sản xuất không yêu cầu có đường vào thì lối vào cho xe chữa cháy được phép bố trí phần đường rộng 3,5 m cho xe chạy, nền đường được gia cố bằng các vật liệu đảm bảo chịu được tải trọng của xe chữa cháy và đảm bảo thoát nước mặt.

- Khoảng cách từ mép lối vào cho xe chữa cháy đến tường của ngôi nhà phải không lớn hơn 5 m đối với các nhà có chiều cao nhỏ hơn 12 m, không lớn hơn 8 m đối với các nhà có chiều cao trên 12 m đến 28 m và không lớn hơn 10 m đối với các nhà có chiều cao trên 28 m.

- Trong những trường hợp cần thiết, khoảng cách từ mép đường đến tường ngoài của ngôi nhà và công trình được tăng đến 60 m với điều kiện ngôi nhà và công trình này có các đường cụt vào, kèm theo bãi quay xe chữa cháy và bố trí các trụ nước chữa cháy. Trong trường hợp đó, khoảng cách từ nhà và công trình đến bãi quay xe chữa cháy phải không nhỏ hơn 5 m và không lớn hơn 15 m và khoảng cách giữa các đường cụt không được vượt quá 100 m.

b2) Trong trường hợp không đảm bảo theo quy định:

Phải đảm bảo ít nhất 01 lối vào cho xe chữa cháy tiếp cận công trình theo quy định. Chiều rộng của mặt đường không được nhỏ hơn 3,50 m. Chiều cao của khoảng không tính từ mặt đường lên phía trên không được nhỏ hơn 4,25 m và bãi quay xe theo quy định nêu trên.

c) Về khoảng cách an toàn về PCCC:

c.1) Theo quy định của Tiêu chuẩn, Quy chuẩn hiện hành thì phải đáp ứng các yêu cầu về khoảng cách PCCC như sau:

Phải đảm bảo yêu cầu về khoảng cách PCCC theo quy định tại Phụ lục E QCVN 06:2021/BXD. Trong đó, khoảng cách đối với nhà ở, công trình công cộng và nhà phụ trợ của các cơ sở công nghiệp quy định tại Mục E.1 (Bảng E1); khoảng cách đối với nhà và công trình công nghiệp quy định tại Mục E.2 (Bảng E2); trường hợp khoảng cách từ ngôi nhà đến ngôi nhà và công trình xung quanh được lấy nhỏ hơn quy định nêu trong Mục E.1 (Bảng E1), Mục E.2 (Bảng E2) phải đảm bảo khoảng cách đến đường ranh giới khu đất theo quy định tại Mục E.3 (Bảng E3) QCVN 06:2021/BXD. Cụ thể:

Bảng E1

Bậc chịu lửa của ngôi nhà thứ nhất	Khoảng cách (m) đến ngôi nhà thứ hai có bậc chịu lửa		
	I, II	III	IV, V
I, II	6	8	10
III	8	8	10
IV, V	10	10	15

CHÚ THÍCH:

1) Khoảng cách giữa các ngôi nhà và công trình là khoảng cách thông thủy giữa các bức tường hoặc các kết cấu bên ngoài của chúng. Trong trường hợp các kết cấu của ngôi nhà hoặc công trình làm bằng những vật liệu cháy lồi ra hơn 1 m thì phải lấy khoảng cách giữa các kết cấu này.

2) Khoảng cách giữa các bức tường không có lỗ cửa sổ cho phép lấy nhỏ hơn 20% ngoại trừ các ngôi nhà có bậc chịu lửa IV và V.

3) Đối với các nhà 2 tầng có kết cấu khung và tẩm với bậc chịu lửa V, cũng như các nhà được lợp bằng vật liệu cháy thì khoảng cách PCCC cần phải tăng thêm 20%.

4) Khoảng cách giữa các ngôi nhà có bậc chịu lửa I và II được phép nhỏ hơn 6 m, nếu các bức tường của ngôi nhà cao hơn năm đối diện với ngôi nhà khác là các tường ngăn cháy.

5) Không quy định khoảng cách giữa các nhà ở, cũng như giữa các nhà ở và các công trình phục vụ sinh hoạt khác khi tổng diện tích đất xây dựng (gồm cả diện tích đất không xây dựng giữa chúng) không vượt quá diện tích tầng cho phép lớn nhất trong phạm vi của một khoang cháy (xem Phụ lục H, nhà nhóm F.1, F.2).

Bảng E2

Bậc chịu lửa của ngôi nhà thứ nhất	Khoảng cách (m) đến ngôi nhà thứ hai có bậc chịu lửa		
	I, II	III	IV, V
I, II	- Đối với các nhà và công trình thuộc hạng sản xuất D và E: không quy định. - Đối với nhà và công trình thuộc hạng sản xuất A, B và C: 9 m (xem thêm Chú thích 3).	9	12
III	9	12	15

IV và V	12	15	18
---------	----	----	----

CHÚ THÍCH:

1) Khoảng cách nhỏ nhất giữa các ngôi nhà và công trình là khoảng cách thông thủy giữa các bức tường hoặc kết cấu bên ngoài của chúng. Trong trường hợp ngôi nhà hoặc công trình có phần kết cấu làm bằng những vật liệu cháy lòi ra hơn 1 m thì khoảng cách nhỏ nhất phải lấy là khoảng cách giữa các kết cấu này.

2) Không quy định khoảng cách giữa các ngôi nhà sản xuất và công trình công nghiệp trong những trường hợp sau:

a) Nếu tổng diện tích mặt sàn của từ 2 ngôi nhà trở lên có bậc chịu lửa III, IV không vượt quá diện tích cho phép tầng lớn nhất trong phạm vi một khoang cháy (Phụ lục H);

b) Nếu như tường của ngôi nhà hay công trình cao hơn hoặc rộng hơn, quay về phía một công trình khác là bức tường ngăn cháy;

c) Nếu các ngôi nhà và công trình có bậc chịu lửa III không phụ thuộc vào độ nguy hiểm cháy theo hạng sản xuất của chúng có các bức tường đứng đối diện là tường đặc hoặc tường có lỗ được xây kín bằng gạch block kính (hoặc kính có cốt) với giới hạn chịu lửa không nhỏ hơn 1 giờ.

3) Khoảng cách đã cho đối với những ngôi nhà và công trình có bậc chịu lửa I, II, thuộc hạng sản xuất A, B, C, được giảm từ 9 m xuống còn 6 m khi đáp ứng một trong những điều kiện sau:

a) Ngôi nhà và công trình được trang bị hệ thống chữa cháy tự động;

b) Tải trọng riêng làm bằng các chất cháy trong các ngôi nhà thuộc hạng sản xuất C nhỏ hơn hoặc bằng 10 kg tính trên 1 m² diện tích tầng.

* Các trường hợp khoảng cách PCCC được lấy nhỏ hơn quy định

a) Khoảng cách PCCC của ngôi nhà được xác định trong trường hợp này là khoảng cách từ ngôi nhà đến đường ranh giới khu đất của ngôi nhà (không phải khoảng cách đến một ngôi nhà khác ở khu đất bên cạnh);

GHI CHÚ: Đường ranh giới khu đất của ngôi nhà có thể là đường nằm trùng hoặc song song với một cạnh của ngôi nhà hoặc hợp với một cạnh của ngôi nhà một góc nhỏ hơn 80°.

b) Cho phép tường ngoài của ngôi nhà cách đường ranh giới khu đất của nhà trong phạm vi từ 0 m đến nhỏ hơn 1,0 m; với các điều kiện sau:

+ Tường ngoài phải là tường ngăn cháy loại 1 (REI 150) đối với nhà có bậc chịu lửa I và II; và là tường ngăn cháy loại 2 (REI 60) đối với nhà có bậc chịu lửa III và IV.

(R: Khả năng chịu lực; E: Tính toàn vẹn; I: Khả năng cách nhiệt)

+ Bề mặt ngoài của tường ngoài không được sử dụng các vật liệu có tính nguy hiểm cháy cao hơn các nhóm Ch1 (cháy yếu) và LT1 (không lan truyền).

c) Nếu tường ngoài của ngôi nhà cách đường ranh giới khu đất của nhà một khoảng lớn hơn 1,0 m thì cho phép bố trí, cấu tạo một số phần diện tích của bề mặt tường ngoài có tính chịu lửa thấp hơn yêu cầu đối với một tường ngăn cháy và được gọi là phần diện tích không được bảo vệ chống cháy của tường. Diện tích cho phép lớn nhất của phần không được bảo vệ chống cháy của tường ngoài được quy định phụ thuộc vào khoảng cách của tường ngoài đó đến đường ranh giới khu đất của nhà, và được cho trong Bảng E 3.

CHÚ THÍCH: Phần không được bảo vệ chống cháy của tường ngoài thường là các phần sau:

- Các cửa (cửa đi, cửa sổ,...) không đáp ứng yêu cầu là các cửa ngăn cháy trong tường ngăn cháy;
- Các phần tường có giới hạn chịu lửa thấp hơn giới hạn chịu lửa của tường ngăn cháy tương ứng;
- Các phần tường mà bề mặt ngoài có sử dụng các vật liệu có tính nguy hiểm cháy bằng và cao hơn các nhóm Ch2 (cháy vừa phải) và LT2 (lan truyền yếu).

Bảng E 3 - Khoảng cách từ tường ngoài của nhà (hoặc khoang cháy) đến đường ranh giới khu đất xác định theo diện tích vùng bề mặt không được bảo vệ chống cháy của tường đó

Khoảng cách nhỏ nhất giữa mặt bên của ngôi nhà tới đường ranh giới khu đất (m)		Tỷ lệ % diện tích lớn nhất của các vùng bề mặt không được bảo vệ chống cháy so với tổng diện tích bề mặt tường đối diện với ranh giới khu đất
Nhà ở, công trình công cộng, nhà phụ trợ của các cơ sở công nghiệp	Nhà và công trình công nghiệp, nhà kho	
1,0	1,0	4,0
1,5	2,0	8,0
3,0	4,0	20,0
6,0	8,0	40,0

CHÚ THÍCH:

1) Khi tính toán xác định diện tích lớn nhất của bề mặt không được bảo vệ chống cháy của tường ngoài, có thể bỏ qua không tính các vùng sau:

- Vùng có diện tích nhỏ hơn 1 m² và khoảng cách đến bất kì một vùng không được bảo vệ chống cháy khác phải không nhỏ hơn 4 m;
- Vùng không được bảo vệ chống cháy có diện tích nhỏ hơn 0,1 m² và khoảng

cách đến bất kỳ một vùng không được bảo vệ chống cháy khác phải không nhỏ hơn 1,5 m;

- Vùng tường ngoài của một cầu thang bộ có buồng thang và các tường bên trong của buồng thang đảm bảo yêu cầu ngăn cháy tương ứng với bậc chịu lửa của nhà;

- Vùng bề mặt ngoài của tường ngoài có sử dụng vật liệu với tính nguy hiểm cháy bằng và cao hơn các nhóm Ch2 và LT2 thì diện tích không được bảo vệ chống cháy được lấy bằng 1/2 diện tích của vùng đó.

2) Các giá trị trung gian có thể xác định bằng cách nội suy.

c.2) Trong trường hợp khoảng cách an toàn PCCC các nhà, công trình hiện hữu không thể đảm bảo quy định, cho phép áp dụng một trong các giải pháp sau để giữ nguyên vị trí nhà, công trình những vẫn tăng cường được các biện pháp phòng cháy, chữa cháy:

- Cải tạo tường của ngôi nhà, công trình cao hơn phía tiếp giáp với nhà, công trình khác thành tường ngăn cháy.

- Xây tường ngăn cháy trong khoảng trống tiếp giáp của 2 nhà, công trình. Tường ngăn cháy phải đảm bảo theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn. Cụ thể:

Bộ phận ngăn cháy	Loại bộ phận ngăn cháy	Giới hạn chịu lửa của bộ phận ngăn cháy, không nhỏ hơn	Loại cửa và van ngăn cháy trong bộ phận ngăn cháy, không thấp hơn	Loại khoang đệm ngăn cháy, không thấp hơn
Tường ngăn cháy	1	REI 150	1	1
	2	REI 60	2	2

Chú thích: Giới hạn chịu lửa của tường ngăn cháy sử dụng danh định tại Bảng F 1 QCVN 06:2021/BXD

Bảng F 1 - Tường xây hoặc tường bê tông

T	Kết cấu và vật liệu	Chiều dày nhỏ nhất không kể lớp trát (mm) để đảm bảo giới hạn chịu lửa											
		Cho cấu kiện chịu lực						Cho cấu kiện không chịu lực					
		EI	EI	EI	EI	EI	EI	I	I	I	I	I	I
		40	80	20	0	0	0	40	80	20	0	0	0

[illegible]

[illegible]

[illegible]

	với chiều dày không nhỏ hơn 100 mm và lớp tường trong như sau:												
	a) Xây bằng gạch hoặc block đất sét nung, hỗn hợp, bê tông hoặc vôi - cát	00	00	00	00	00	00	5		5	5	5	5
	b) Xây bằng gạch hoặc viên bê tông đặc hoặc lỗ, cốt liệu Cấp 1(b)	00	00	00	00	00	00	5		5	5	5	5
1	Tường rỗng với lớp tường ngoài xây bằng block đất sét nung có lỗ như mục 9 ở trên và lớp tường trong xây bằng viên bê tông xốp hấp hơi có khối lượng thể tích từ 480 kG/m ³ đến 1.200 kG/m ³	50	40	00	00	00	00	5	5	5	5	5	5

CHÚ THÍCH:

(a) Chỉ áp dụng trát perlite - thạch cao vào gạch đất sét nung.

(b) “Cốt liệu Cấp 1” có nghĩa là: xỉ bột, đá bột, xỉ lò cao, viên tro bay, gạch vỡ và các sản phẩm đất sét nung (bao gồm cả viên gạch phòng), clinker nung già và đá vôi nghiền.

(c) “Cốt liệu Cấp 2” có nghĩa là: sỏi cuội, đá granite và tất cả các dạng đá nghiền tự nhiên khác ngoài đá vôi.

Giới hạn chịu lửa của các loại cửa và van ngăn cháy trong bộ phận ngăn cháy được quy định:

Cửa và van ngăn cháy trong bộ phận ngăn cháy	Loại cửa và van ngăn cháy trong bộ phận ngăn cháy	Giới hạn chịu lửa, không nhỏ hơn
Cửa đi, cổng, cửa nắp, van	1	EI 70
	2	EI 45*
	3	EI 15
Cửa sổ	1	E 70
	2	E 45
	3	E 15
Màn chắn	1	EI 70

GHI CHÚ: * - Giới hạn chịu lửa của cửa trong giếng thang máy được phép lấy không nhỏ hơn E 45.

Giới hạn chịu lửa của các bộ phận của khoang đệm ở các cửa và van ngăn cháy trong bộ phận ngăn cháy

Loại khoang đệm ngăn cháy	Giới hạn chịu lửa của các bộ phận của khoang đệm, không nhỏ hơn		
	Vách ngăn của khoang đệm	Sàn của khoang đệm	Cửa và van ngăn cháy của khoang đệm
1	EI 45	REI 45	EI 30
2	EI 15	REI 15	EI 15

- Tạo vùng ngăn cháy phía tiếp giáp với tường ngoài trong nhà, công trình (có thể tạo vùng ngăn cháy trong 01 nhà hoặc cả 2 nhà), đảm bảo tổng chiều rộng của vùng ngăn cháy với khoảng cách giữa 2 nhà, công trình không nhỏ hơn khoảng cách PCCC theo quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn giữa 2 nhà, công trình.

- Làm màn nước ngăn cháy thay thế tường ngăn cháy phía tiếp giáp giữa 2 công trình. Màn nước ngăn cháy bố trí thành 2 dải cách nhau 0,5m và cường độ phun không nhỏ hơn 1 lít/giây cho mỗi mét chiều dài màn nước (tính chung cho cả 2 dải). Khoảng thời gian duy trì màn nước ít nhất là 1 giờ.

d) Về bậc chịu lửa:

d.1) Bậc chịu lửa của nhà và công trình phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định, cụ thể:

Nhà và công trình phải đảm bảo bậc chịu lửa quy định tại Bảng 4 QCVN 06:2021/BXD phù hợp với số tầng giới hạn (chiều cao PCCC cho phép) và diện tích khoang cháy quy định tại Phụ lục H QCVN 06:2021/BXD.

Bảng 4 - Bậc chịu lửa của nhà

Bậc chịu lửa của nhà	Giới hạn chịu lửa của cấu kiện xây dựng, không nhỏ hơn						
	Bộ phận chịu lực của nhà	Tường ngoài không chịu lực	Sàn giữa các tầng (bao gồm cả sàn tầng áp mái và sàn trên tầng hầm)	Bộ phận mái không có tầng áp mái		Buồng thang bộ	
				Tấm lợp (bao gồm tấm lợp có lớp cách nhiệt)	Giàn, dầm, xà gỗ	Tường buồng thang trong nhà	Bản thang và chiếu thang
I	R 150	E 30	REI 60	RE 30	R 30	REI 150	R 60
II	R 120	E 15	REI 45	RE 15	R 15	REI 120	R 60
III	R 90	E 15	REI 45	RE 15	R 15	REI 90	R 60
IV	R 30	E 15	REI 15	RE 15	R 15	REI 30	R 15
V	Không quy định						

CHÚ THÍCH:

1) Trong các ngôi nhà có bậc chịu lửa I, II, III thì sàn và trần của tầng hầm, tầng nửa hầm phải làm bằng vật liệu không cháy và có giới hạn chịu lửa ít nhất 90 phút. Sàn các tầng 1 và tầng trên cùng phải làm bằng vật liệu có tính cháy không thấp hơn Ch1.

2) Trong các ngôi nhà có bậc chịu lửa IV, V thì sàn của tầng hầm hay tầng nửa hầm phải làm bằng vật liệu có tính cháy không thấp hơn Ch1 và có giới hạn chịu lửa không dưới 45 phút.

3) Trong các phòng có sản xuất hay bảo quản các chất lỏng cháy được thì sàn phải làm bằng vật liệu không cháy.

4) Tường, tường ngăn và sàn của buồng thang máy và buồng máy của thang máy

bố trí trong nhà thuộc bất kỳ bậc chịu lửa nào phải làm bằng vật liệu không cháy với giới hạn chịu lửa không nhỏ hơn 60 phút. Nếu thang máy bố trí ngoài nhà thì giới hạn chịu lửa của những bộ phận đã nêu không nhỏ hơn 30 phút.

5) Tường ngăn, bao che hành lang giữa của nhà có bậc chịu lửa I, phải làm bằng vật liệu không cháy với giới hạn chịu lửa ít nhất 30 phút và của nhà có bậc chịu lửa II, III, IV phải làm bằng vật liệu không cháy hay cháy yếu (Ch1) với giới hạn chịu lửa ít nhất 15 phút. Riêng nhà có bậc chịu lửa II của hạng sản xuất D, E có thể bao che hành lang bằng tường kính.

Phụ lục H: Một số quy định về số tầng giới hạn (chiều cao PCCC cho phép) và diện tích khoang cháy của nhà

H.1. Nhà ở

H.1.1. Nhà ở chung cư

Chiều cao cho phép của nhà và diện tích cho phép lớn nhất của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy đối với nhà chung cư được quy định theo Bảng H 1.

Bảng H 1 - Diện tích khoang cháy và chiều cao lớn nhất cho phép của nhà chung cư

Bậc chịu lửa của nhà	Cấp nguy hiểm cháy kết cấu của nhà	Chiều cao lớn nhất cho phép của nhà (m)	Diện tích cho phép lớn nhất của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy (m ²)
I	S0	75	2.200
II	S0	50	2.200
	S1	28	2.200
III	S0	25	1.800
	S1	15	1.800
IV	S0	5	1.000
		3	1.400
	S1	5	800
		3	1.200
	S2	5	500
		3	900

V	Không quy định	5	500
		3	800

H.1.2. Nhà ký túc xá

Chiều cao cho phép của nhà và diện tích cho phép của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy đối với nhà ký túc xá được lấy như sau:

- Đối với nhà ký túc xá có dạng đơn nguyên lấy theo Bảng H 1 (như nhà ở chung cư);
- Đối với nhà ký túc xá có dạng hành lang lấy theo Bảng H 2.

Bảng H 2 - Diện tích khoang cháy cho nhà ký túc xá có dạng hành lang chung

Bậc chịu lửa của nhà	Cấp nguy hiểm cháy kết cấu của nhà	Chiều cao lớn nhất cho phép của nhà (m)	Diện tích cho phép lớn nhất của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy (m ²)
(1)	(2)	(3)	(4)
I	S0	50	2.200
II	S0	28	2.200
	S1	15	1.000
III	S0	15	1.000
	S1	9	1200
IV, V	Không quy định	3	400

H.2. Nhà và công trình công cộng

H.2.1. Số tầng lớn nhất và diện tích cho phép lớn nhất của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy của một số loại công trình công cộng được quy định tại Bảng H 3.

Bảng H 3 - Diện tích cho phép lớn nhất của một tầng trong phạm vi một khoang cháy của một số loại công trình công cộng

Bậc chịu lửa của nhà	Số tầng lớn nhất	Diện tích cho phép lớn nhất của một tầng trong phạm vi một khoang cháy (m ²)
----------------------	------------------	--

I, II	Lấy theo Bảng H 4	2.200
III	Lấy theo Bảng H 4	1.800
IV	1	1.400
	2	1.000
V	1	1.000
	2	800

CHÚ THÍCH:

1) Trong các nhà có bậc chịu lửa I và II, khi có trang bị hệ thống chữa cháy tự động thì diện tích khoang cháy cho trong Bảng H3 được phép tăng lên nhưng không quá 2 lần.

2) Các tường (mặt tường), vách và trần bằng gỗ của nhà có bậc chịu lửa V sử dụng làm nhà trẻ, trường phổ thông, trường nội trú, cơ sở khám bệnh và điều trị ngoại trú, các trại chăm sóc sức khỏe cho trẻ em và các câu lạc bộ (ngoại trừ các nhà câu lạc bộ 1 tầng có tường ốp đá) phải được bảo vệ chống cháy.

3) Nếu trong phạm vi khoang cháy của nhà 1 tầng có một phần nhà 2 tầng với diện tích chiếm không quá 15% diện tích của khoang cháy thì khoang cháy đó vẫn được coi như nhà 1 tầng.

4) Trong các nhà ga hành khách và các nhà hay phòng có công năng tương tự, nếu không thể bố trí được các tường ngăn cháy thì cho phép thay thế tường ngăn cháy bằng thiết bị tạo màn nước Drencher bố trí thành 2 dải cách nhau 0,5 m và với cường độ phun không nhỏ hơn 1 lít/giây cho mỗi mét chiều dài màn nước (tính chung cho cả 2 dải). Khoảng thời gian duy trì màn nước ít nhất là 1 giờ.

5) Trong các nhà ga sân bay có bậc chịu lửa I, diện tích sàn giữa các tường ngăn cháy (khoang cháy) có thể tăng lên đến 10.000 m² khi không có tầng hầm hoặc nếu có tầng hầm thì trong tầng hầm (tầng nửa hầm) không có các kho và các dạng buồng khác có chứa các vật liệu cháy (ngoại trừ buồng giữ đồ và mũ áo của nhân viên). Khi đó, lối đi lại từ các phòng dụng cụ vệ sinh đặt trong tầng hầm và tầng nửa hầm lên tầng 1 có thể đi theo các buồng thang bộ hở, nếu đi từ các buồng giữ đồ phải đi theo các cầu thang bộ riêng nằm trong buồng thang kín. Các buồng giữ đồ (ngoại trừ những buồng có trang bị các hốc gửi tự động) và buồng giữ mũ áo phải được ngăn cách với những phần khác của tầng hầm bằng các vách ngăn cháy loại I và được trang bị hệ thống chữa cháy tự động, còn các trạm điều độ - chỉ huy phải được ngăn cách bằng các vách ngăn cháy.

6) Trong các nhà ga sân bay, không hạn chế diện tích sàn giữa các tường ngăn cháy nếu được trang bị các hệ thống chữa cháy tự động.

7) Những phần phụ của nhà chính như mái hiên, sân thềm, hành lang ngoài,... được phép lấy bậc chịu lửa thấp hơn 1 bậc so với bậc chịu lửa của nhà chính.

8) Trong các gian thi đấu thể thao, bể bơi trong nhà (kể cả có ghế ngồi hoặc không có ghế ngồi) cũng như trong các gian phòng huấn luyện bơi lội, các khu vực huấn luyện bắn súng trong nhà (kể cả đặt ở dưới khán đài hoặc xây trong các ngôi nhà công cộng khác) thì diện tích khoang cháy có thể tăng lên đến 6.000 m² đối với nhà 1 tầng có bậc chịu lửa I, II; tăng lên đến 5.000 m² đối với nhà từ 2 đến 5 tầng có bậc chịu lửa I và tăng lên đến 4.000 m² đối với nhà từ 2 đến 5 tầng có bậc chịu lửa II.

9) Trong các nhà thi đấu thể thao độc lập, có bậc chịu lửa I, II cho phép bố trí diện tích khoang cháy lên tới 10.000 m². Diện tích này được phép tăng thêm nhưng không quá 2 lần khi có hệ thống chữa cháy tự động.

10) Trong các gian tiền sảnh và phòng chờ có diện tích lớn hơn giá trị trong Bảng H 3, cho phép thay thế tường ngăn cháy bằng vách ngăn cháy trong suốt loại 2.

H.2.2. Nhà trẻ, mẫu giáo, bệnh viện, nhà hộ sinh, nhà học, rạp chiếu bóng, nhà hát, câu lạc bộ, nhà văn hóa, nhà của cơ sở bán hàng, nhà của cơ sở dịch vụ đời sống là các công trình độc lập thì số tầng lớn nhất tùy thuộc quy mô công trình và bậc chịu lửa của nhà, được lấy theo Bảng H 4.

Bảng H 4 - Số tầng lớn nhất cho phép của một số dạng nhà và công trình công cộng độc lập

Tên công trình và quy mô	Bậc chịu lửa của nhà	Số tầng lớn nhất cho phép
(1)	(2)	(3)
1- Nhà trẻ, Mẫu giáo		
a) Đến 50 cháu	V, IV	1 tầng
b) Đến 150 cháu	III	2 tầng
c) Đến 350 cháu	II, I	2 tầng, 3 tầng(a)
2- Bệnh viện, Nhà hộ sinh		
a) Đến 50 giường	V, IV	1 tầng
b) Trên 50 giường	III	2 tầng
c) Không phụ thuộc số giường	II, I	9 tầng(b)
3- Nhà học của trường phổ thông và nội trú		

a) Đến 270 chỗ	V	1 tầng
b) Đến 360 chỗ	IV	1 tầng
c) Đến 720 chỗ	III	2 tầng
d) Không phụ thuộc số lượng chỗ	II, I	4 tầng
4- Rạp chiếu bóng		
a) Dưới 300 chỗ	V	1 tầng
b) Đến 400 chỗ	IV	2 tầng
c) Đến 600 chỗ	III	2 tầng
d) Từ 600 chỗ trở lên	II, I	Không quy định
5- Nhà hát	II, I	Không quy định
6- Câu lạc bộ, Nhà văn hóa(c)		
a) Dưới 300 chỗ	V	1 tầng
b) Dưới 400 chỗ	IV	2 tầng
c) Dưới 600 chỗ	III	3 tầng
d) Từ 600 chỗ trở lên	I, II	Không quy định
7- Nhà của cơ sở bán hàng (Cửa hàng bách hóa, lương thực thực phẩm, siêu thị)		
	V, IV	1 tầng
	III	2 tầng
	II, I	5 tầng
8- Nhà của các cơ sở dịch vụ đời sống		
	V, IV	1 tầng
	III	2 tầng
	II, I	6 tầng

GHI CHÚ:

(a) Trong nhà trẻ, mẫu giáo 3 tầng thì ở tầng 3 chỉ được bố trí các cháu lớp lớn; các gian phòng dành cho học nhạc và thể dục; không gian chơi cho các cháu;

(b) Khu vực dành cho trẻ em (kể cả trẻ dưới 3 tuổi có mẹ đi kèm) trong bệnh viện phải được bố trí từ tầng 5 trở xuống. Khu vực dành cho trẻ em dưới 7 tuổi phải bố trí từ tầng 2 trở xuống;

(c) Gian khán giả của câu lạc bộ, nhà văn hóa có bậc chịu lửa IV phải bố trí ở tầng 1; Gian khán giả của câu lạc bộ, nhà văn hóa có bậc chịu lửa III chỉ được bố trí từ tầng 2 trở xuống.

H.3. Tầng cao nhất cho phép bố trí gian giảng đường, hội nghị, hội thảo, phòng họp, gian tập thể thao

Các gian giảng đường, phòng hội nghị, hội thảo, phòng họp, gian tập thể thao trong các nhà công cộng, nhà đa năng chỉ được bố trí ở tầng cao nhất như quy định tại Bảng H 5.

Bảng H 5 - Tầng cao nhất được phép bố trí gian giảng đường, hội nghị, hội thảo, phòng họp, gian tập thể thao

Bậc chịu lửa của nhà	Số chỗ ngồi	Tầng cao nhất được phép bố trí
(1)	(2)	(3)
I, II	Đến 300	14
	Từ trên 300 đến 600	5
	Trên 600	3
III	Đến 300	3
	Từ trên 300 đến 600	2
IV, V	Đến 300	1

CHÚ THÍCH:

1) Khi xác định tầng cao nhất để bố trí các gian phòng có sàn dốc thì cao độ của tầng được lấy tương đương cao độ của hàng ghế ngồi đầu tiên.

2) Các gian hội trường của các trường phổ thông và bán trú với bậc chịu lửa III phải được bố trí không quá tầng 2, sàn của các gian phòng này phải là sàn ngăn cháy loại 2.

H.4. Đối với nhà sản xuất và nhà kho

H.4.1. Đối với nhà sản xuất, diện tích tầng cho phép lớn nhất trong phạm vi một khoang cháy phụ thuộc vào bậc chịu lửa, cấp nguy hiểm cháy kết cấu của nhà và chiều cao nhà được cho trong Bảng H 6.

Bảng H 6 - Diện tích khoang cháy cho nhà sản xuất (nhà nhóm F 5.1)

Hạng của nhà sản xuất	Số tầng tối đa cho phép (tầng)	Bậc chịu lửa của nhà	Diện tích cho phép lớn nhất của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy (m ²)		
			Nhà một tầng	Nhà hai tầng	Nhà 3 tầng trở lên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A và B	6	I	(*)		
A và B (trong trường hợp không sản xuất hóa chất và chế biến dầu khí)	6	II	(*)	5.200	3.500
A (có sản xuất hóa chất và chế biến dầu khí)	6	II	(*)	5.200	3.500
B (có sản xuất hóa chất và chế biến dầu khí)	6	II	(*)	10.400	7.800
C	Không quy định	I đến II	(*)		
	3	III	5.200	3.500	2.600
	1	IV	2.600		
	1	V	1.200		
D	Không quy định	I đến II	(*)		
	3	III	6.500	2.500	3.500
	1	IV	3.500		

	1	V	1.500		
E	Không quy định	I và II	(*)		
	3	III	7.800	6.500	3.500
	1	IV	3.500		
	1	V	2.600		

CHÚ THÍCH: (*) Không quy định cụ thể về diện tích khoang cháy nhưng công trình phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về PCCC của tiêu chuẩn thiết kế áp dụng cho công trình đó;

1) Các gian sản xuất có các thiết bị chữa cháy tự động diện tích sàn giữa các tường ngăn cháy cho phép tăng lên so với quy định tại Bảng H 6 nhưng không quá 2 lần;

2) Khi các phòng hoặc gian sản xuất được trang bị các thiết bị báo cháy tự động, thì diện tích sàn giữa các tường ngăn cháy cho phép tăng 25 % so với quy định ở Bảng H 6;

3) Diện tích khoang cháy ở tầng 1 của nhà nhiều tầng, khi sàn trần tầng 1 có giới hạn chịu lửa 150 phút, được phép lấy như diện tích khoang cháy của nhà 1 tầng.

4) Đối với các nhà sản xuất chế biến gỗ có bậc chịu lửa II, diện tích khoang cháy được phép lấy tối đa là 10.400 m² đối với nhà 1 tầng. Đối với nhà hai tầng, diện tích khoang cháy tối đa là 7.800 m², còn đối với nhà nhiều tầng hơn thì diện tích khoang cháy tối đa là 5.200 m²;

5) Trong các ngôi nhà sản xuất một tầng có bậc chịu lửa I và II, cho phép không thiết kế tường ngăn cháy. Quy định này không áp dụng đối với nhà có bậc chịu lửa II mà trong đó sản xuất hóa chất, chế biến gia công dầu khí, hoặc các kho chứa vật liệu hay sản phẩm dễ cháy; các ngôi nhà sản xuất gia công chế biến gỗ;

H.4.2. Đối với nhà kho, bậc chịu lửa, cấp nguy hiểm cháy kết cấu, chiều cao nhà kho và diện tích tầng trong phạm vi một khoang cháy của nhà lấy theo quy định ở Bảng H 7.

Bảng H 7 - Diện tích khoang cháy cho nhà kho

Hạng của nhà kho	Chiều cao nhà (m)	Bậc chịu lửa của nhà	Cấp nguy hiểm cháy kết cấu của	Diện tích tầng cho phép lớn nhất của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy (m ²)		
				Nhà một	Nhà hai	Nhà

			nhà	tầng	tầng	nhiều tầng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A	-	I, II	S0	5.200	-	-
	-	III	S0	4.400	-	-
	-	IV	S0	3.600	-	-
B	18	I, II	S0	7.800	5.200	3.500
	-	III	S0	6.500	-	-
	-	IV	S0	5.200	-	-
C	36	I, II	S0	10.400	7.800	5.200
	24	III	S0	10.400	5.200	2.600
	-	IV	S0, S1	7.800	-	-
	-	IV	S2, S3	2.600	-	-
	-	V	Không quy định	1.200	-	-
E	Không hạn chế	I, II	S0	Không hạn chế	10.400	7.800
	36	III	S0, S1	Không hạn chế	7.800	5.200
	12	IV	S0, S1	Không hạn chế	2.200	-
	-	IV	S2, S3	5.200	-	-
	9	V	Không quy định	2.200	1.200	-

CHÚ THÍCH: Khi trong các gian phòng kho có bậc chịu lửa I, II, III có trang thiết bị chữa cháy tự động, thì diện tích quy định trong Bảng H 7 được phép tăng lên nhưng không quá 2 lần.

d.2) Trong trường hợp bậc chịu lửa của nhà, công trình không đảm bảo theo quy định, cho phép thực hiện các giải pháp sau để nâng cao bậc chịu lửa của nhà, công trình so với hiện tại:

- Trong các nhà có kết cấu sàn, mái (sàn thép; mái bằng kết cấu xà gồ thép, mái tôn ...) lắp đặt các trần treo sử dụng vật liệu ngăn cháy phù hợp để nâng cao giới hạn chịu lửa của các cấu kiện bảo đảm quy định.

- Nhà sử dụng kết cấu thép hoặc kết cấu khác (cột chịu lực, dầm, sàn, xà gồ ...) có giới hạn chịu lửa thấp hơn quy định có thể sử dụng giải pháp bảo vệ các kết cấu này (sơn chống cháy, bọc bằng gạch, trát bằng thạch cao hoặc xi măng – vôi, bê tông xi bốt hoặc bê tông đá bốt phun lên cấu kiện ...) để tăng giới hạn chịu lửa của nhà theo quy định.

e) Về lối ra thoát nạn:

e.1) Theo quy định tại các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, lối thoát nạn phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Theo từng loại hình cơ sở phải đảm bảo yêu cầu lối ra thoát nạn, lối ra khẩn cấp quy định tại Mục 3.2 QCVN 06:2021/BXD, đường thoát nạn quy định tại Mục 3.3 QCVN 06:2010/BXD, cầu thang bộ và buồng thang bộ trên đường thoát nạn theo quy định tại Mục 3.4 QCVN 06:2021/BXD. Cụ thể:

* Điều 3.2.5 của QCVN 06:2021/BXD quy định đối với các gian phòng bắt buộc phải có không ít hơn 2 lối thoát nạn:

- Các gian phòng nhóm F 1.1 (Nhà trẻ, mẫu giáo, nhà chuyên dùng cho người cao tuổi và người khuyết tật (không phải nhà căn hộ), bệnh viện, khối nhà ngủ của các trường nội trú và của các cơ sở cho trẻ em) có mật đồng thời hơn 15 người.

- Các gian phòng trong tầng hầm và tầng nửa hầm có mật đồng thời hơn 15 người.

- Các gian phòng có mật đồng thời hơn 50 người.

- Các gian phòng nhóm F 5 (Các nhà và công trình sản xuất, các gian phòng sản xuất và thí nghiệm, nhà xưởng; Các nhà và công trình kho, bãi đỗ xe ô tô không có dịch vụ kỹ thuật và sửa chữa, kho chứa sách, kho lưu trữ, các gian phòng kho; Các nhà phục vụ nông nghiệp)hạng A(Các chất khí cháy, chất lỏng dễ bắt cháy có nhiệt độ bùng cháy không lớn hơn 28°C , với khối lượng có thể tạo thành hỗn hợp khí - hơi nguy hiểm nổ, khi bốc cháy tạo ra áp suất nổ dư tính toán trong gian phòng vượt quá 5 kPa; Các chất và vật liệu có khả năng nổ và cháy khi tác dụng với nước, với oxy trong không khí hoặc tác dụng với nhau, với khối lượng để áp suất nổ dư tính toán trong gian phòng vượt quá 5 kPa) hoặc B(Các chất bụi hoặc sợi cháy, chất lỏng dễ bắt cháy, có nhiệt độ bùng cháy lớn hơn 28°C , các chất lỏng cháy, và khối lượng có thể tạo thành hỗn hợp khí - bụi hoặc khí; hơi nguy hiểm nổ, khi bốc cháy tạo ra áp suất nổ dư tính toán trong gian phòng vượt quá 5 kPa)có số người làm việc trong ca đông nhất lớn hơn 5 người, hạng C (Các chất lỏng cháy hoặc khó cháy, các chất và vật liệu cháy và khó cháy ở thể rắn (kể cả bụi và sợi), các chất và vật liệu khi tác dụng với nước, với oxy trong không khí hoặc tác dụng với nhau có khả năng cháy, ở điều kiện gian phòng có các chất và vật liệu

này không thuộc các hạng A hoặc B) - lớn hơn 25 người hoặc có diện tích lớn hơn 1.000 m².

- Các sàn công tác hờ hoặc các sàn dành cho người vận hành và bảo dưỡng thiết bị trong các gian phòng nhóm F 5 có diện tích lớn hơn 100 m² - đối với các gian phòng thuộc hạng A và B hoặc lớn hơn 400 m² - đối với các gian phòng thuộc các hạng khác.

Các gian phòng nhóm F 1.3 (căn hộ) được bố trí ở cả hai tầng (2 cao trình – thường gọi là căn hộ thông tầng), khi chiều cao bố trí của tầng phía trên lớn hơn 18 m thì phải có các lối ra thoát nạn từ mỗi tầng.

Các trường hợp có thể vận dụng ít hơn 2 lối thoát nạn bao gồm:

- Các gian phòng nhóm F 1.1 có mặt đồng thời không lớn hơn 10 người.
- Các gian phòng trong tầng hầm và tầng nửa hầm có mặt đồng thời từ 6 đến 15 người thì có 01 lối ra thoát nạn và phải có 01 lối ra khẩn cấp theo yêu cầu của mục d Điều 3.2.13 của QCVN 06:2021/BXD.
- Các gian phòng có mặt đồng thời không lớn hơn 50 người (trừ những trường hợp đã có quy định riêng).
- Các gian phòng nhóm F 5 hạng A hoặc B có số người làm việc trong ca đồng nhất không lớn hơn 5 người, hạng C – không lớn hơn 25 người hoặc có diện tích không lớn hơn 1.000 m²;
- Các sàn công tác hờ hoặc các sàn dành cho người vận hành và bảo dưỡng thiết bị trong các gian phòng nhóm F 5 hạng A hoặc B có diện tích không lớn hơn 100 m² và các hạng khác có diện tích không lớn hơn 400 m².

Các gian phòng nhóm F 1.3 (căn hộ) được bố trí ở cả hai tầng (2 cao trình – thường gọi là căn hộ thông tầng), khi chiều cao bố trí của tầng phía trên không lớn hơn 18 m thì cho phép có 01 lối thoát nạn tại tầng dưới của căn hộ. Tuy nhiên, phải tuân thủ quy định đối với căn hộ ở độ cao lớn hơn 15 m phải có lối ra khẩn cấp (Điều 3.2.13 QCVN 06:2021/BXD)

* Điều 3.2.6, Điều 3.2.7 của QCVN 06:2021/BXD quy định đối với các tầng nhà phải có không ít hơn 02 lối thoát nạn:

- F 1.1 (Nhà trẻ, mẫu giáo, nhà chuyên dùng cho người cao tuổi và người khuyết tật (không phải nhà căn hộ), bệnh viện, khối nhà ngủ của các trường nội trú và của các cơ sở cho trẻ em).

- F 1.2 (Khách sạn, ký túc xá, khối nhà ngủ của các cơ sở điều dưỡng và nhà nghỉ chung, của các khu cắm trại, nhà trọ (motel) và nhà an dưỡng).

- F 2.1 (Nhà hát, rạp chiếu phim, phòng hoà nhạc, câu lạc bộ, rạp xiếc, các công trình thể thao có khán đài, thư viện và các công trình khác có số lượng chỗ ngồi tính toán cho khách trong các gian phòng kín).

- F 2.2 (Bảo tàng, triển lãm, phòng nhảy và các cơ sở tương tự khác trong các gian phòng kín).

- F 3 (Cơ sở bán hàng; Cơ sở ăn uống công cộng; Nhà ga; Phòng khám chữa bệnh đa khoa và cấp cứu; Các gian phòng cho khách của các cơ sở dịch vụ đời sống và công cộng có số lượng chỗ ngồi cho khách không được tính toán (bưu điện, quỹ tiết kiệm, phòng vé, văn phòng tư vấn luật, văn phòng công chứng, cửa hàng giặt là, nhà may, sửa chữa giày và quần áo, cửa hàng cắt tóc, cơ sở phục vụ lễ tang, cơ sở tôn giáo và các cơ sở tương tự); Các khu liên hợp rèn luyện thể chất và các khu tập luyện thể thao không có khán đài; Các gian phòng dịch vụ; Nhà tắm).

- F 4 (Các trường phổ thông, cơ sở đào tạo ngoài trường phổ thông, trường trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề; Các trường đại học, cao đẳng, trường bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ; Các cơ sở của các cơ quan quản lý, tổ chức thiết kế, tổ chức thông tin và nhà xuất bản, tổ chức nghiên cứu khoa học, ngân hàng, cơ quan, văn phòng; Các trạm (đội) chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ).

- F 1.3 (Nhà ở nhiều căn hộ (chung cư)) khi tổng diện tích các căn hộ trên một tầng lớn hơn 500 m^2 (đối với các nhà đơn nguyên thì tính diện tích trên một tầng của đơn nguyên).

- F 5, hạng A hoặc B khi số người làm việc trong ca đông nhất lớn hơn 5 người, hạng C khi số người làm việc trong ca đông nhất lớn hơn 25 người.

Tầng hầm và nửa hầm phải có không ít hơn hai lối ra thoát nạn khi có diện tích lớn hơn 300 m^2 hoặc dùng cho hơn 15 người có mặt đồng thời.

- Các tầng có gian phòng có yêu cầu số lối thoát nạn không ít hơn 2.

Các trường hợp có thể vận dụng cho phép có 01 lối thoát nạn (01 cầu thang thoát nạn) từ mỗi tầng:

- Các tầng của nhà có nhiều căn hộ F 1.3 có diện tích của mỗi tầng nhỏ hơn 500 m^2 khi các căn hộ có độ cao lớn hơn 15 m, ngoài lối ra thoát nạn phải có một lối ra khẩn cấp. Lối ra khẩn cấp được quy định tại Điều 3.2.13 QCVN 06:2021/BXD.

- F 5, hạng A hoặc B khi số người làm việc trong ca đông nhất không lớn hơn 5 người, hạng C khi số người làm việc trong ca đông nhất không lớn hơn 25 người

- Tầng hầm và nửa hầm khi có diện tích không lớn hơn 300 m^2 hoặc số người có mặt đồng thời không lớn hơn 15 người.

- Các tầng của khách sạn, ký túc xá, khối nhà ngủ của cơ sở điều dưỡng, nhà nghỉ, nhà trọ, nhà an dưỡng (F 1.2), nhà văn hóa, thể thao đại chúng (F 2), trụ sở cơ quan, văn phòng (F 4.3) có chiều cao không quá 15m với diện tích của mỗi tầng không lớn hơn 300 m^2 và số người không lớn hơn 20 người và cầu thang bộ thoát nạn là buồng thang kín, cửa đi là cửa ngăn cháy loại 2.

Các lối ra không thỏa mãn các yêu cầu đối với lối ra thoát nạn có thể được xem là lối ra khẩn cấp để tăng thêm mức độ an toàn cho người khi có

cháy. Các lối ra khẩn cấp không được đưa vào tính toán thoát nạn khi cháy. Các lối ra khẩn cấp gồm có:

- Lối ra ban công hoặc lôgia, mà ở đó có khoảng tường đặc với chiều rộng không nhỏ hơn 1,2 m tính từ mép ban công (lôgia) tới ô cửa sổ (hay cửa đi lắp kính) hoặc không nhỏ hơn 1,6 m giữa các ô cửa kính mở ra ban công (lôgia).

- Lối ra dẫn vào một lối đi chuyển tiếp hở (cầu vượt) dẫn tiếp đến một đơn nguyên liền kề của nhà nhóm F 1.3 hoặc đến một khoang cháy liền kề. Lối đi chuyển tiếp này phải có chiều rộng không nhỏ hơn 0,6 m.

- Lối ra ban công hoặc lôgia, mà ở đó có trang bị thang bên ngoài nối các ban công hoặc lôgia theo từng tầng.

- Lối ra bên ngoài trực tiếp từ các gian phòng có cao trình sàn hoàn thiện không thấp hơn âm 4,5 m và không cao hơn 5,0 m qua cửa sổ hoặc cửa đi có kích thước không nhỏ hơn 0,75 m x 1,5 m, cũng như qua cửa nắp có kích thước không nhỏ hơn 0,6 m x 0,8 m; khi đó tại các lối ra này phải được trang bị thang leo; độ dốc của các thang leo này không quy định.

- Lối ra mái của nhà có bậc chịu lửa I, II và III thuộc cấp S0 và S1 qua cửa sổ, cửa đi hoặc cửa nắp với kích thước và thang leo được quy định như tại mục d).

e. 2) Đối với các cơ sở theo quy định phải có 2 lối thoát nạn (cầu thang thoát nạn) trở lên nhưng thực tế chỉ có 01 cầu thang thoát nạn, phải có giải pháp bố trí bổ sung 01 cầu thang bộ theo quy định.

Trong trường hợp không thể bổ sung cầu thang bộ được thì phải tăng cường an toàn cho người trong quá trình thoát nạn bằng giải pháp: Hệ thống cấp nước chữa cháy cho công trình phải thường xuyên có nước được duy trì ở áp suất đảm bảo yêu cầu chữa cháy; bố trí người trực thường xuyên tại các tầng; kết nối hệ thống báo cháy tự động của cơ sở với Trung tâm thông tin chỉ huy của lực lượng PCCC chuyên nghiệp; thang thoát nạn hiện có phải là thang kín có áp suất không khí dương; trang bị thiết bị phục vụ thoát nạn như: thang dây, thang móc, ròng rọc, ống tụt. Nếu các công trình liền kề có cùng độ cao thì có thể bổ sung lối đi sang các công trình liền kề.

f) Về ngăn cháy lan: Theo từng loại hình cơ sở phải đảm bảo các yêu cầu về ngăn chặn cháy lan quy định tại Mục 4 QCVN 06:2021/BXD. Riêng số tầng (chiều cao cho phép của nhà), diện tích khoang cháy và tầng giới hạn bố trí hội trường của một số công trình phải tuân thủ các quy định nêu trong Phụ lục H QCVN 06:2021/BXD đã nêu ở trên.

Khi cơ sở không đảm bảo quy định về khoang cháy, có thể áp dụng một trong các giải pháp sau:

- Xây tường ngăn cháy phân chia mặt bằng thành các khoang cháy có diện tích đảm bảo quy định.

- Sử dụng màn nước ngăn cháy thay thế tường ngăn cháy. Màn nước ngăn cháy bố trí thành 2 dải cách nhau 0,5m và cường độ phun không nhỏ hơn 1 lít/giây cho mỗi mét chiều dài màn nước (tính chung cho cả 2 dải). Khoảng thời gian duy trì màn nước ít nhất là 1 giờ.

- Tạo vùng ngăn cháy với chiều rộng không nhỏ hơn 12m. Vùng ngăn cháy là khoảng đệm chia ngôi nhà theo suốt chiều rộng (chiều dài) và chiều cao. Các phòng trong vùng ngăn cháy không được sử dụng hay bảo quản các chất khí, chất lỏng và vật liệu dễ cháy cũng như các quá trình tạo ra bụi dễ cháy. Giới hạn chịu lửa của các cấu kiện và bộ phận của ngôi nhà trong vùng ngăn cháy phải đảm bảo:

- + 45 phút đối với tường ngăn giữa vùng ngăn cháy và các khu vực khác.
- + 15 phút đối với vách ngăn.
- + 150 phút đối với cột.
- + 45 phút đối với sàn, mái và tường ngoài.

Trong các ngôi nhà một tầng có bậc chịu lửa III, IV, V không sử dụng, bảo quản các chất khí, chất lỏng dễ cháy cũng như không có các quá trình tạo ra bụi dễ cháy cho phép vùng ngăn cháy có chiều rộng không nhỏ hơn 6m.

g) Về trang bị phương tiện PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan về PCCC:

Yêu cầu và định mức trang bị phương tiện về PCCC, hệ thống kỹ thuật có liên quan về PCCC thực hiện theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3890:2009 Phương tiện PCCC cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng và quy chuẩn, tiêu chuẩn theo quy định hiện hành gồm:

1. Hệ thống báo cháy tự động: Hệ thống tự động phát hiện và thông báo địa điểm cháy. Thiết kế kỹ thuật đảm bảo quy định của tiêu chuẩn TCVN 5738:2001 Hệ thống báo cháy tự động – Yêu cầu kỹ thuật.

2. Hệ thống họng nước chữa cháy vách tường: Là hệ thống được thiết kế để cấp nước trực tiếp tới các nơi dùng nước để chữa cháy. Thiết kế kỹ thuật phải đảm bảo quy định của tiêu chuẩn TCVN 2622:1995 Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình – Yêu cầu thiết kế, TCVN 5760:1993 hệ thống chữa cháy – Yêu cầu chung về thiết kế, lắp đặt và sử dụng.

Khi bể nước của công trình không thể đảm bảo khối tích theo quy định, thực hiện giải pháp bổ sung lượng nước chữa cháy vào bể nước của công trình từ các nguồn cung cấp như sau:

- Từ nguồn nước thủy cục.
- Từ nguồn nước khu công nghiệp, cụm công nghiệp.
- Kết nối bể nước giữa các công trình lân cận.

3. Hệ thống chữa cháy tự động: Hệ thống chữa cháy được điều khiển tự động khi xảy ra cháy. Thiết kế kỹ thuật phải đảm bảo quy định của tiêu chuẩn TCVN

7336:2003 Phòng cháy chữa cháy – Hệ thống sprinkler tự động – Yêu cầu thiết kế và lắp đặt, TCVN 2622:1995, TCVN 7161:2002 hệ thống chữa cháy bằng khí – phần 1: Yêu cầu chung, phần 9: chất chữa cháy HFC-227ea, phần 13: chất chữa cháy IG-100.

Đối với cơ sở thuộc diện phải trang bị hệ thống chữa cháy tự động theo quy định tại Phụ lục C TCVN 3890:2009, khuyến khích các cơ sở trang bị theo đúng quy định để đảm bảo an toàn PCCC. Đối với các cơ sở việc trang bị hệ thống chữa cháy tự động khó thực hiện, cho phép không trang bị nhưng phải trang bị hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà đảm bảo theo đúng quy định và thường xuyên có nước được duy trì ở áp suất đảm bảo yêu cầu chữa cháy hoặc trang bị các quả cầu chữa cháy tự động.

4. Hệ thống chống sét: Toàn bộ hệ thống dây dẫn được sử dụng để bảo vệ một công trình khỏi tác động của sét đánh. Thiết kế kỹ thuật phải đảm bảo quy định của tiêu chuẩn TCVN 9385:2012 Chống sét cho công trình xây dựng – Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.

5. Hệ thống thông gió phải đảm bảo quy định của tiêu chuẩn TCVN 5687:2010 Thông gió – Điều hòa không khí – Tiêu chuẩn thiết kế; bảo vệ chống khói cho nhà và công trình phải đảm bảo quy định tại phụ lục D Quy chuẩn QCVN 06:2021/BXD

6. Bình chữa cháy theo quy định tại TCVN 3890:2009.

Đối với các cơ sở trang bị bình chữa cháy chưa đúng chủng loại theo quy định tại TCVN 3890-2009 cho phép tiếp tục sử dụng nhưng khi trang bị mới và thay thế phải theo đúng chủng loại được quy định tại TCVN 3890-2009.